

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII đã ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 sẽ được tổ chức cùng một ngày và có nhiều điểm mới so với các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội các khóa trước.

Ngày 21 tháng 01 năm 2011, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết công bố ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 vào ngày chủ nhật, 22 tháng 5 năm 2011. Đây sẽ là ngày hội của toàn dân, có ý nghĩa chính trị to lớn trong đời sống xã hội của đất nước. Thông qua việc bầu cử đại biểu Quốc hội, nhân dân ta thực hiện quyền dân chủ của mình bằng cách lựa chọn những đại biểu xứng đáng đại diện cho các tầng lớp dân cư, các thành phần xã hội vào Quốc hội - cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, để thay mặt nhân dân thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Tham gia ứng cử và bầu cử đại biểu Quốc hội là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong việc xây dựng chính quyền của nhân dân, do dân nhân dân và vì nhân dân. Vì vậy, việc lựa chọn những người bảo đảm tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho nhân dân tham gia vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước là yêu cầu quan trọng và có ý nghĩa chính trị to lớn.

Để phục vụ các tổ chức phụ trách bầu cử, các cơ quan, tổ chức, công dân và cử tri nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện những nội dung của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban Công tác đại biểu tổ chức biên soạn cuốn sách **“Hỏi - đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội”**. Cuốn sách gồm một số nội dung cơ bản về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, những điểm mới trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và những nội dung liên quan đến việc bầu cử đại biểu Quốc hội từ khâu chuẩn bị, triển khai, tổ chức và kết thúc cuộc bầu cử. Cuốn sách được trình bày thành hai phần như sau:

Phần thứ nhất: Về Quốc hội và bầu cử đại biểu Quốc hội (gồm 116 câu);

Phần thứ hai: Một số tình huống trong quá trình bầu cử (gồm 16 câu).

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, có thể chưa đề cập hết các vấn đề bạn đọc quan tâm. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu.

PHẦN THỨ NHẤT
VỀ QUỐC HỘI VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Mục 1
CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1: Quốc hội có vị trí như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất?

Trả lời: Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội, hoạt động của công dân; thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, bởi vì theo quy định của Hiến pháp, ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Điều đó có nghĩa nhân dân là người chủ của quyền lực nhà nước. Quốc hội là cơ quan nhà nước cao nhất thực hiện quyền lực của nhân dân. Chỉ có Quốc hội mới có quyền biểu ý chí, nguyện vọng của nhân dân thành luật, thành các quy định chung mang tính chất bắt buộc, tính cưỡng chế nhà nước đối với mọi tầng lớp dân cư trong xã hội.

Câu 2: Tại sao nói Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân?

Trả lời: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân được thể hiện ở các mặt sau đây:

- Quốc hội là cơ quan nhà nước duy nhất do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Bầu cử đại biểu Quốc hội là kết quả lựa chọn thống nhất của nhân dân cả nước;

- Quốc hội gồm các đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân. Quốc hội là sự thể hiện rõ nhất khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đại diện cho trí tuệ của nhân dân cả nước;

- Quốc hội có nhiệm vụ phục vụ cho lợi ích chung của nhân dân và dân tộc, nói lên tiếng nói của nhân dân, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước;

- Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp và quyết định những vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia cũng như các vấn đề trọng đại của đất nước.

Câu 3: Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Hiến pháp và pháp luật quy định Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;

- Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

- Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

- Quyết định thành lập, bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

- Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội;

- Quyết định đại xá;

- Quy định hàm, cấp trong các đơn vị vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

- Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế khác đã được ký kết hoặc gia nhập theo đề nghị của Chủ tịch nước;

- Quyết định việc trưng cầu ý dân.

Câu 4: Quốc hội có cơ cấu tổ chức như thế nào?

Trả lời: Cơ cấu tổ chức của Quốc hội bao gồm:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội: là cơ quan thường trực của Quốc hội, gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

- Hội đồng dân tộc và 9 Ủy ban, gồm Ủy ban pháp luật; Ủy ban tư pháp; Ủy ban kinh tế; Ủy ban tài chính, ngân sách; Ủy ban quốc phòng và an ninh; Ủy ban văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban về các vấn đề xã hội; Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường; Ủy ban đối ngoại;

- Đại biểu Quốc hội: Quốc hội có không quá 500 đại biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri cả nước, trong đó có những đại biểu hoạt động chuyên trách và những đại biểu hoạt động không chuyên trách. Số lượng đại biểu chuyên trách chiếm ít nhất 25% tổng số đại biểu Quốc hội;

- Đoàn đại biểu Quốc hội gồm các đại biểu Quốc hội được bầu trong một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương hợp thành;

- Văn phòng Quốc hội là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu 5: Ủy ban thường vụ Quốc hội được tổ chức và có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Ủy ban thường vụ Quốc hội có cơ cấu tổ chức gồm Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội làm các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số Phó Chủ tịch và số Ủy viên do Quốc hội quyết định. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ, làm việc theo chế độ chuyên trách. Ủy ban thường vụ Quốc hội có các cơ quan chuyên môn gồm Ban Công tác đại biểu, Ban Dân nguyện và Viện Nghiên cứu Lập pháp.

Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội;
- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các kỳ họp Quốc hội;
- Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
- Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao;
- Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đình chỉ việc thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc huỷ bỏ các văn bản đó; huỷ bỏ các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ các nghị quyết sai trái của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân;
- Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của các đại biểu Quốc hội;
- Trong trường hợp Quốc hội không thể họp được, quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược và báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội;
- Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;
- Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;
- Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

Câu 6: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được tổ chức như thế nào?

Trả lời: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là những cơ quan của Quốc hội, do Quốc hội trực tiếp bầu ra, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số. Nhiệm kỳ của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Hội đồng dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số Phó Chủ tịch và Ủy viên do Quốc hội quyết định. Thành viên Hội đồng dân tộc do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Số thành viên hoạt động chuyên trách do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên. Số Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban do Quốc hội quyết định. Thành viên Ủy ban do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Số thành viên hoạt động chuyên trách do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Câu 7: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ý kiến về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;
- Thẩm tra dự án luật, kiến nghị về luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác; thẩm tra những báo cáo được Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;
- Thực hiện quyền giám sát;
- Kiến nghị với Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh và những vấn đề trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
- Kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;
- Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu 8: Kỳ họp của Quốc hội được tổ chức như thế nào?

Trả lời: Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập chậm nhất là ba mươi ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp. Kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá trước triệu tập chậm nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội khoá trước khai mạc và chủ tọa kỳ họp thứ nhất cho đến khi Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội khoá mới.

Trong trường hợp Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu hoặc theo quyết định của mình, Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập Quốc hội họp bất thường chậm nhất là 7 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp.

Quốc hội họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Quốc hội quyết định họp kín.

Dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp được gửi đến đại biểu Quốc hội cùng với quyết định triệu tập kỳ họp. Các vấn đề trong chương trình kỳ họp Quốc hội được thảo luận và quyết định tại các phiên họp toàn thể. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội quyết định thảo luận tại Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Tổ đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội.

Thành viên Chính phủ không phải là đại biểu Quốc hội được mời dự các kỳ họp Quốc hội, có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Quốc hội khi Quốc hội xem xét về những vấn đề

có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách; được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà thành viên đó phụ trách theo yêu cầu của Quốc hội hoặc được Quốc hội đồng ý theo đề nghị của thành viên đó.

Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan báo chí, công dân và khách quốc tế có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội.

Câu 9: Nhiệm kỳ của Quốc hội là bao nhiêu năm?

Trả lời: Nhiệm kỳ mỗi khóa Quốc hội là năm năm. Nhiệm kỳ được tính từ kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa đó đến kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.

Trong trường hợp đặc biệt, Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Ví dụ Quốc hội khóa XII rút ngắn nhiệm kỳ xuống còn 4 năm (2007 – 2011).

Câu 10: Đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu ra mình mà còn đại diện cho nhân dân cả nước. Đại biểu Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tham gia các phiên họp toàn thể của Quốc hội, các cuộc họp của Tổ đại biểu Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội;

- Chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Trình dự án luật, kiến nghị về luật ra trước Quốc hội, dự án pháp lệnh ra trước Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định;

- Kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

- Liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội và cơ quan nhà nước hữu quan;

Ngoài ra, đại biểu Quốc hội còn có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định cụ thể trong Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, các quy chế hoạt động, nội quy kỳ họp Quốc hội .v.v..

Câu 11: Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIII có ý nghĩa chính trị như thế nào?

Trả lời: Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII nhiệm kỳ 2011 – 2016 diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vừa kết thúc thắng lợi. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang ra sức phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và là ngày hội lớn để nhân dân phát huy quyền dân chủ, trực tiếp lựa chọn, giới thiệu và bầu ra những người tiêu biểu về đức, tài, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trong Quốc hội. Cuộc bầu cử này sẽ góp phần tạo sự đồng bộ trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ

trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng trong các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương; là dịp để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Câu 12: Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?

Trả lời: Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp, pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Bầu cử là một thể chế dân chủ đã có từ lâu. Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân tổ chức ra Nhà nước bằng cách bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước. Thông qua bầu cử, nhân dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, để thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước; góp phần thiết lập ra bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội.

Câu 13: Việc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành theo những nguyên tắc nào?

Trả lời: Việc bầu cử đại biểu Quốc hội ở nước ta được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đó cũng là những tư tưởng chỉ đạo trong việc tổ chức bầu cử, thể hiện bản chất dân chủ của Nhà nước ta. Các nguyên tắc này thể hiện tính chặt chẽ, thống nhất và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình tiến hành bầu cử, bảo đảm cho cuộc bầu cử khách quan, dân chủ, thể hiện đúng nguyện vọng của cử tri khi lựa chọn. Nguyên tắc bầu cử yêu cầu phải quy định rõ quyền và trách nhiệm của cử tri trong bầu cử, trách nhiệm của Nhà nước phải bảo đảm các quy định về bầu cử.

Câu 14: Thế nào là nguyên tắc phổ thông trong bầu cử?

Trả lời: Nguyên tắc phổ thông thể hiện tính toàn dân và toàn diện trong bầu cử, bảo đảm để mọi công dân không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền tham gia bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu của nguyên tắc này là Nhà nước phải bảo đảm để cuộc bầu cử thực sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền bầu cử của mình, bảo đảm tính dân chủ, công khai và sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

Câu 15: Thế nào là nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử?

Trả lời: Bình đẳng trong bầu cử là một nguyên tắc nhằm bảo đảm tính khách quan, không thiên vị để mọi công dân đều có khả năng như nhau tham gia bầu cử, nghiêm cấm mọi sự phân biệt dưới bất cứ hình thức nào.

Nguyên tắc bình đẳng được pháp luật quy định trong việc thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân, thể hiện ở các mặt như sau:

- Số lượng dân cư như nhau thì được bầu số đại biểu bằng nhau;
- Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri ở một nơi cư trú;
- Mỗi người chỉ được ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử;
- Mỗi cử tri chỉ được bỏ một phiếu bầu;
- Giá trị phiếu bầu của mọi cử tri như nhau mà không có sự phân biệt.

Nguyên tắc bình đẳng còn đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội để bảo đảm tiếng nói đại diện của các vùng, miền, địa phương, các tầng lớp xã hội, các dân tộc thiểu số và phụ nữ phải có tỷ lệ đại biểu thích đáng trong Quốc hội.

Câu 16: Thế nào là nguyên tắc bầu cử trực tiếp?

Trả lời: Bầu cử trực tiếp là việc cử tri trực tiếp đi bầu cử, tự bỏ lá phiếu của mình vào hòm phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm vào cơ quan quyền lực nhà nước. Cử tri không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư. Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì có thể nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; nếu vì tàn tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu; cử tri do ốm đau, già yếu, tàn tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và bầu.

Câu 17: Thế nào là nguyên tắc bỏ phiếu kín?

Trả lời: Nguyên tắc bỏ phiếu kín bảo đảm cho cử tri tự do lựa chọn người mình tín nhiệm mà không bị tác động bởi những điều kiện và yếu tố bên ngoài. Theo đó, cử tri bầu ai, không bầu ai đều được bảo đảm bí mật. Khi cử tri viết phiếu bầu không ai được đến gần, kể cả cán bộ, nhân viên các tổ chức phụ trách bầu cử; không ai được biết và can thiệp vào việc viết phiếu bầu của cử tri. Cử tri viết phiếu bầu trong buồng kín và bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 18: Quyền bầu cử là gì? Những ai có quyền bầu cử?

Trả lời: Quyền bầu cử là quy định của pháp luật về khả năng của công dân thực hiện quyền lựa chọn người đại biểu của mình ở cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc đề cử, giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu, tức là quyền chủ động trong lựa chọn của công dân.

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử.

Câu 19: Quyền ứng cử là gì? Những ai có quyền ứng cử?

Trả lời: Quyền ứng cử là quy định của pháp luật về khả năng của công dân thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử làm đại biểu Quốc hội.

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử.

Pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội còn quy định tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội để cử tri lựa chọn trong số các ứng cử viên bầu ra những người đại diện trong cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (*xin xem Câu 20*).

Câu 20: Đại biểu Quốc hội có những tiêu chuẩn gì?

Trả lời: Để đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội thì việc quy định tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội là cần thiết, làm cơ sở để cử tri lựa chọn và bầu ra được những đại biểu đủ đức, đủ tài, xứng đáng làm đại biểu Quốc hội. Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội là:

1. Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật;

3. Có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước;

4. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm;

5. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Câu 21: Thế nào là bầu cử dân chủ, đúng pháp luật?

Trả lời: Một cuộc bầu cử được coi là bầu cử dân chủ và đúng pháp luật phải đảm bảo các yếu tố sau đây:

- Việc bầu cử phải tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín;

- Bảo đảm các quyền bầu cử, ứng cử, vận động bầu cử. Quy định cụ thể những trường hợp bị tước quyền bầu cử, ứng cử; những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử và những trường hợp không tham gia bầu cử;

- Quy định rõ quy trình, thủ tục các bước giới thiệu người ứng cử, hiệp thương giới thiệu người ứng cử, bầu bổ sung, bầu cử lại, bầu cử thêm để đảm bảo lựa chọn được những người xứng đáng ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Bảo đảm quyền của cử tri nơi người ứng cử công tác, làm việc, cư trú được nhận xét, bày tỏ ý kiến của mình về sự tín nhiệm đối với người ứng cử;

- Quy định rõ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác bầu cử;

- Việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về bầu cử phải được thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng; các vi phạm về bầu cử phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Câu 22: Ủy ban thường vụ Quốc hội có vai trò như thế nào đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội, có thẩm quyền công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; giám sát việc bầu cử, bảo đảm cho cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội được pháp luật quy định cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng bầu cử;

- Ấn định, công bố ngày bầu cử và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội;

- Dự kiến về cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;

- Dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số, số đại biểu là phụ nữ;

- Điều chỉnh lần thứ nhất và lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được bầu làm đại biểu Quốc hội;

- Ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị;

- Quyết định và công bố việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội, ngày bầu cử bổ sung; thành lập Ủy ban bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định về việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội để bầu bổ sung;

- Xem xét báo cáo của Hội đồng bầu cử về tình hình chuẩn bị, việc tiến hành và kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội; kiểm tra, giám sát việc bầu cử tại các địa phương;

- Xem xét khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo Ban công tác đại biểu và các cơ quan, tổ chức hữu quan giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên.

Câu 23: Chính phủ có vai trò như thế nào đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, Chính phủ giữ vai trò rất quan trọng đối với việc bầu cử đại biểu Quốc hội, thể hiện qua những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội theo nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan;

- Chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ như Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính... tham gia phối hợp với các cơ quan hữu quan như Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội;

- Cử đại diện tham gia Hội đồng bầu cử;

- Tham dự các hội nghị hiệp thương ở trung ương để thoả thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội; lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Đề nghị với Hội đồng bầu cử việc huỷ bỏ kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và thực hiện các quy định khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

Câu 24: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc có vai trò như thế nào đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc có đóng góp to lớn trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ trung ương đến địa phương thể hiện qua những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức các hội nghị hiệp thương để thoả thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội; lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; lập danh sách sơ bộ và danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú và nơi công tác (nếu có) về những người ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Tổ chức để những người ứng cử gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri và vận động bầu cử;

- Tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội;
- Tham gia ý kiến với Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;
- Tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử ở các cấp như Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử để chỉ đạo và tổ chức công tác bầu cử.

Câu 25: Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có vai trò như thế nào trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật. Vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp được thể hiện qua những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia ý kiến với UBND cùng cấp trong việc thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ban bầu cử; cử đại diện tham gia Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ban bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã tham gia ý kiến với UBND cùng cấp trong việc thành lập Tổ bầu cử;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được mời dự các hội nghị hiệp thương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội để lựa chọn, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội và lập danh sách sơ bộ, danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Ban bầu cử gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử, được Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ở địa phương;
- Trong việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thành lập ở đơn vị bầu cử Ban bầu cử bổ sung.

Câu 26: Ủy ban nhân dân các cấp có vai trò như thế nào trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản của Chính phủ, của các cơ quan cấp trên về bầu cử đại biểu Quốc hội. Vai trò của Ủy ban nhân dân các cấp được thể hiện qua những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ban bầu cử; cử đại diện tham gia Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Tổ bầu cử;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời dự các hội nghị hiệp thương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức để thỏa thuận cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội để lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và lập danh sách sơ bộ, danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc chia khu vực bỏ phiếu, trình Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt; lập danh sách cử tri theo khu vực bỏ phiếu; cấp giấy chứng nhận khi cử tri đi nơi khác không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri; bổ sung vào danh sách cử tri theo quy định của pháp luật;

- Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp triệu tập và chủ trì Hội nghị cử tri ở xã, phường, thị trấn theo đơn vị thôn xóm, tổ dân phố, buôn, bản, ấp nơi cư trú thường xuyên của người ứng cử để lấy ý kiến và tín nhiệm của cử tri đối với người ứng cử; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị xác minh và trả lời bằng văn bản các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người ứng cử, người tự ứng cử;

- Ủy ban nhân dân cấp xã được Tổ bầu cử gửi biên bản kết quả kiểm phiếu; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Ban bầu cử gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử, được Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ở địa phương.

Trong việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập ở đơn vị bầu cử Ban bầu cử bổ sung; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thành lập Tổ bầu cử bổ sung ở mỗi khu vực bỏ phiếu.

Câu 27: Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời: Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách nhà nước bảo đảm. Kinh phí bầu cử được phân bổ trên cơ sở nguyên tắc chung là dựa theo số cử tri của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đồng thời có tính đến đặc điểm và tình hình thực tế của một số địa phương.

Kinh phí bầu cử được chi cho các việc chuẩn bị triển khai, tiến hành và tổng kết bầu cử. Các chi phí này bao gồm in ấn các tài liệu, biểu mẫu, thẻ cử tri, mẫu biên bản, các chi phí về mua sắm hòm phiếu, khắc con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử, chi phí và bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên phục vụ cho cuộc bầu cử và các khoản chi phí cần thiết khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Việc chi tiêu kinh phí bầu cử phải trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Các phương tiện phục vụ cho các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được thì tận dụng để phục vụ cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIII lần này.

Câu 28: Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XIII được bầu là bao nhiêu người?

Trả lời: Để đảm bảo số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu Quốc hội trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục..., pháp luật bầu cử đại biểu Quốc hội hiện hành quy định tổng số đại biểu Quốc hội được bầu không quá 500 người. Vì vậy, tổng số đại biểu Quốc hội khóa XIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 được bầu không quá 500 người.

Câu 29: Việc phân bổ đại biểu Quốc hội của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ai dự kiến và theo căn cứ nào?

Trả lời: Việc phân bổ đại biểu Quốc hội của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến và dựa trên các căn cứ sau:

- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất ba đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

- Số đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương;

- Thủ đô Hà Nội được phân bổ số đại biểu thích đáng.

Câu 30: Số đại biểu là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?

Trả lời: Đất nước ta là cộng đồng của 54 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, để phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo quyền lợi, ý chí, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc Việt Nam, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến theo đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm các thành phần dân tộc thiểu số phải có số lượng đại biểu thích đáng.

Câu 31: Số đại biểu Quốc hội là phụ nữ được quy định như thế nào?

Trả lời: Đảng và Nhà nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ Việt Nam phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để đảm bảo quyền đại diện cho tiếng nói, nguyện vọng của phụ nữ, pháp luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định phải có số lượng thích đáng đại biểu Quốc hội là nữ, do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Câu 32: Đơn vị bầu cử là gì? Việc ấn định số đơn vị bầu cử và danh sách các đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Đơn vị bầu cử là khái niệm chỉ một phạm vi địa lý hành chính với số dân cư nhất định, được bầu một số lượng đại biểu Quốc hội nhất định. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội quy định mỗi đơn vị bầu cử được bầu không quá ba đại biểu. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử. Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu của mỗi đơn vị được tính theo số dân.

Câu 33: Khu vực bỏ phiếu là gì? Việc phân chia đơn vị bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Khu vực bỏ phiếu là phạm vi địa lý hành chính có số dân nhất định, nơi trực tiếp tiến hành bỏ phiếu bầu đại biểu. Để việc bỏ phiếu được thuận tiện, mỗi đơn vị bầu cử được chia ra thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Các khu vực bỏ phiếu trong cùng một đơn vị bầu cử có chung một danh sách ứng cử. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Việc chia khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập và được Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Đơn vị vũ trang nhân dân thành lập những khu vực bỏ phiếu riêng hoặc đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có thể có chung một khu vực bỏ phiếu.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có tới ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh đối với những người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Câu 34: Ở những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì việc chia khu vực bỏ phiếu được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định ở những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định việc chia khu vực bỏ phiếu để đảm bảo quyền bầu cử của các cử tri ở những khu vực này. Ví dụ huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã thì UBND huyện Côn Đảo quyết định việc chia khu vực bỏ phiếu.

Mục 2

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Câu 35: Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội gồm những tổ chức nào?

Trả lời: Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội gồm có:

1. Hội đồng bầu cử ở trung ương;
2. Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
3. Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử;
4. Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Câu 36: Hội đồng bầu cử được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Chậm nhất là một trăm lẻ năm ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Hội đồng bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng bầu cử có từ mười lăm đến hai mươi một người, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các uỷ viên là đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Câu 37: Hội đồng bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức bầu cử trong cả nước; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quy định của pháp luật về bầu cử;
- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử;
- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; gửi tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi đến;
- Quy định mẫu thẻ cử tri và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội;

- Lập và công bố danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử và Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban bầu cử chuyển đến; giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử do Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử gửi đến; làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước;

- Quyết định việc bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Quốc hội hoặc huỷ bỏ kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử;

- Công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước;

- Cấp giấy chứng nhận cho người trúng cử đại biểu Quốc hội;

- Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội khoá mới biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và những hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội.

Câu 38: Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên được quy định như thế nào?

Trả lời: Chậm nhất là chín mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ hai mươi một đến ba mươi một người, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các uỷ viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Sau khi thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử và Chính phủ (thông qua Bộ Nội vụ) về danh sách thành viên Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kèm theo chức danh, số điện thoại, số Fax, địa chỉ Email cụ thể của từng thành viên.

Câu 39: Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn gì trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử, Tổ bầu cử;

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội; gửi danh sách trích ngang và tiểu sử tóm tắt của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nhận tài liệu và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội từ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân phối cho các Ban bầu cử chậm nhất là hai mươi lăm ngày trước ngày bầu cử;

- Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử và báo cáo Hội đồng bầu cử;

- Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử, Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyên đến; giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Thông báo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo quy định của Hội đồng bầu cử;

- Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử;

- Tổ chức việc bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử.

Câu 40: Ban bầu cử được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Ban bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử từ chín đến mười lăm người, gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các uỷ viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Câu 41: Ban bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Ban bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của các Tổ bầu cử;

- Kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu;

- Kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

- Phân phối tài liệu và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội cho các Tổ bầu cử chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày bầu cử;

- Niêm yết danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội trong đơn vị bầu cử;

- Chỉ đạo, kiểm tra công việc bầu cử đại biểu Quốc hội tại các phòng bỏ phiếu;

- Nhận và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội do các Tổ bầu cử gửi đến; làm biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử để gửi đến Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của các Tổ bầu cử;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo quy định của Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Tổ chức thực hiện việc bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Quốc hội.

Câu 42: Tổ bầu cử được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Tổ bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Chậm nhất là ba mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử từ mười một đến hai mươi một người, gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và các ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tập thể cử tri ở địa phương.

Câu 43: Thành lập Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang như thế nào? Tổ bầu cử chung với đơn vị vũ trang được thành lập như thế nào?

Trả lời: Đơn vị vũ trang nhân dân thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu của mình một Tổ bầu cử từ năm đến chín người, gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và các ủy viên là đại diện Chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân.

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử từ mười một đến hai mươi một người, gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và các ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tập thể cử tri ở địa phương, đại diện Chỉ huy đơn vị, đại diện quân nhân.

Câu 44: Ở những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì việc thành lập Tổ bầu cử như thế nào?

Ở những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử từ mười một đến hai mươi một người, gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và các ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tập thể cử tri ở địa phương.

Câu 45: Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời: Tổ bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
- Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;
- Nhận tài liệu và phiếu bầu từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;
- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn mười ngày trước ngày bầu cử;
- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phòng bỏ phiếu;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử do mình phụ trách;
- Kiểm phiếu và làm biên bản kết quả kiểm phiếu để gửi đến Ban bầu cử;
- Giao biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;
- Tổ chức thực hiện việc bầu cử lại, bầu cử thêm.

Câu 46: Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử có được vận động bầu cử cho những người ứng cử không?

Trả lời: Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử không được vận động bầu cử cho những người ứng cử.

Các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử nói trên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vận động bầu cử cho những người ứng cử nhằm đảm bảo sự công bằng, bình đẳng đối với những người ứng cử.

Câu 47: Các tổ chức phụ trách bầu cử làm việc theo chế độ nào?

Trả lời: Các tổ chức phụ trách bầu cử làm việc theo chế độ tập thể; các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa số thành viên biểu quyết tán thành.

Câu 48: Khi nào Hội đồng bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Hội đồng bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội sau khi đã trình Quốc hội khoá mới biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội.

Câu 49: Khi nào Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội sau khi Hội đồng bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước.

Câu 50: Các tổ chức phụ trách bầu cử trung tập người giúp việc như thế nào?

Trả lời: Các tổ chức phụ trách bầu cử có thể trung tập cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội giúp việc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng bầu cử, Chủ tịch Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc của Trường ban bầu cử.

Mục 3

CỬ TRI

Câu 51: Cử tri là ai?

Trả lời: Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền bầu cử. Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách ở một nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Câu 52: Cách tính tuổi để ghi vào danh sách cử tri?

Trả lời: Cách tính tuổi để được ghi tên vào danh sách cử tri được quy định như sau:

- Tuổi để thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là ngày bầu cử) đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định (ngày 22/5/2011). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng, năm sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng, năm sinh dương lịch của năm sau.

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

Câu 53: Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?

Trả lời: Những người không được ghi tên vào danh sách cử tri là người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật, người đang phải chấp hành hình phạt tù, người đang bị tạm giam và người mất năng lực hành vi dân sự.

Người đang bị tạm giam nói trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội là những bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự tuy chưa phải là những người bị Tòa án kết án nhưng do tính chất của vụ án hình sự và theo những căn cứ quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự thì họ bị hạn chế quyền tự do để phục vụ yêu cầu điều tra, xét xử hoặc để bảo đảm thi hành án phạt tù.

Câu 54: Trường hợp nào được bổ sung vào danh sách cử tri?

Trả lời: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật, người đang phải chấp hành hình phạt tù, người đang bị tạm giam hoặc người mất năng lực hành vi dân sự mà cho đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu hai mươi bốn giờ được

khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri.

Câu 55: Trường hợp nào bị xóa tên khỏi danh sách cử tri?

Trả lời: Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù, bị bắt tạm giam hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án nhân dân hoặc cơ quan hữu quan phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đã lập danh sách cử tri để xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Câu 56: Việc lập danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, đủ mười tám tuổi trở lên và không thuộc các trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri thì được ghi tên vào danh sách cử tri tại xã, phường, thị trấn nơi đã đăng ký thường trú và thực hiện quyền bầu cử tại nơi đó.

Trong thời gian lập danh sách cử tri, những người có giấy chứng nhận chuyển đi nơi khác của cơ quan có thẩm quyền ở nơi cư trú cũ thì được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi cư trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Sinh viên, học sinh, học viên có sổ tạm trú ở các trường chuyên nghiệp, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp và quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi học tập, công tác hoặc nơi đóng quân để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Cử tri là người lao động tại các khu công nghiệp tập trung, các doanh nghiệp có đăng ký tạm trú, lưu trú thì được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Kể từ ngày niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bỏ phiếu, cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ thuộc đơn vị vũ trang nhân dân đang đi công tác và những người di cư tự do, đi lao động, làm việc, đi thăm người thân, đi du lịch ở nơi nào thì xuất trình với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi mới đến Thẻ cử tri hoặc Giấy chứng nhận "Đi bỏ phiếu nơi khác" do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp để được ghi tên bổ sung vào danh sách cử tri, tham gia bỏ phiếu ở nơi đó và được tính vào tổng số cử tri ở nơi mới đến. Nếu họ chưa có Thẻ cử tri, Giấy chứng nhận "Đi bỏ phiếu nơi khác" thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mới đến yêu cầu những người này liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chỉ huy đơn vị nơi lập danh sách cử tri trước ngày niêm yết danh sách cử tri để nhận Thẻ cử tri hoặc Giấy chứng nhận "Đi bỏ phiếu nơi khác" để được bầu cử ở nơi mới đến.

Công dân Việt Nam công tác, lao động, học tập, du lịch, thăm người thân hoặc định cư ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu hai mươi bốn giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để ghi tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri.

Danh sách cử tri do UBND xã, phường, thị trấn lập theo khu vực bỏ phiếu; đối với những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập danh sách cử tri và cấp giấy chứng nhận "Đi bỏ phiếu nơi khác".

Câu 57: Việc niêm yết danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Chậm nhất là ba mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri phải niêm yết danh sách đó tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và những nơi công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để nhân dân kiểm tra.

Câu 58: Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai sót thì trong thời hạn hai mươi lăm ngày, kể từ ngày niêm yết, mọi người có quyền khiếu nại bằng miệng hoặc bằng văn bản với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết của cơ quan lập danh sách cử tri thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán thụ lý ngay vụ án. Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu kiện, Tòa án nhân dân phải giải quyết xong. Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đình chỉ vụ án và trả lại đơn kiện. Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.

Câu 59: Cử tri đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền bầu cử ở nơi khác không?

Trả lời: Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri ở một nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi mới đến. Ở những nơi không có đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập danh sách cử tri và cấp giấy chứng nhận "Đi bỏ phiếu nơi khác". Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân phải ghi ngay vào danh sách bên cạnh tên cử tri "Đi bỏ phiếu nơi khác".

Mục 4

NGƯỜI ỨNG CỬ

Câu 60: Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?

Trả lời: Người được giới thiệu ứng cử là người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc địa phương giới thiệu để được xem xét đưa vào danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Người tự ứng cử là người có đủ điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và xét thấy mình có đủ tiêu chuẩn, trình độ, năng lực thì nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội tại Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi mình ứng cử.

Câu 61: Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội?

Trả lời: Những người không được ứng cử đại biểu Quốc hội là:

- Người chưa đủ 21 tuổi.
- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- Người đang bị khởi tố về hình sự;
- Người đang phải chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án;
- Người đang bị tạm giam;
- Người mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xoá án;
- Người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính về giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang bị quản chế hành chính.

Người đã có tên trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố về hình sự, bị bắt giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết, thì Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo ngay cho Hội đồng bầu cử để xoá tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp người ứng cử đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đưa vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, nhưng trong thời gian Hội đồng bầu cử chưa công bố danh sách này mà người đó có hành vi vi phạm pháp luật thì Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định việc xoá tên người ứng cử đại biểu Quốc hội vi phạm pháp luật đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sau khi trao đổi ý kiến với Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định việc xoá tên người ứng cử đại biểu Quốc hội vi phạm pháp luật đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giới thiệu.

Câu 62: Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội gồm những gì?

Trả lời: Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội gồm có:

- Đơn xin ứng cử;
- Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;
- Tiểu sử tóm tắt và 3 ảnh màu, nền trắng, cỡ 4x6cm; sau ảnh ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh, quê quán (tỉnh, thành phố);
- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử.

Mẫu hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội do Hội đồng bầu cử ban hành thống nhất trong cả nước.

Câu 63: Thời hạn nộp hồ sơ ứng cử là khi nào?

Trả lời: Chậm nhất là sáu mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, người ứng cử đại biểu Quốc hội (người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 64: Việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Hội đồng bầu cử có trách nhiệm tiếp nhận các hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu. Sau khi tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ ứng cử, Hội đồng bầu cử có trách nhiệm chuyển tiêu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đưa vào danh sách hiệp thương.

Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan Nhà nước ở địa phương giới thiệu và những người tự ứng cử. Sau khi tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ ứng cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển tiêu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để đưa vào danh sách hiệp thương.

Câu 65: Cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền lập danh sách người ứng cử?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức có thẩm quyền lập danh sách những người ứng cử được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu.

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh tổ chức có thẩm quyền lập danh sách những người ứng cử được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan Nhà nước ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử.

Câu 66: Thời hạn gửi, lập và công bố danh sách những người ứng cử được quy định như thế nào?

Trả lời: - Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi đến Hội đồng bầu cử danh sách chính thức những người được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội. Căn cứ vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, Hội đồng bầu cử gửi đến các Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hữu quan danh sách những người được giới thiệu về ứng cử tại địa phương.

- Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh danh sách chính thức những người được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Chậm nhất là hai mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử lập và công bố danh sách những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách chính thức do Ban

thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi đến.

- Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bầu cử, Ban bầu cử phải niêm yết danh sách những người ứng cử ở địa phương mình theo quyết định của Hội đồng bầu cử.

Câu 67: Danh sách những người ứng cử gồm những thông tin gì?

Trả lời: Những thông tin cần phải ghi rõ trong Danh sách những người ứng cử là: họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hoá, chuyên môn, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của người ứng cử. Danh sách những người ứng cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Câu 68: Số người ứng cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu Quốc hội được bầu ở đơn vị đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ít nhất là hai người. Trong trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng thì do Hội đồng bầu cử quyết định.

Trường hợp Hội đồng bầu cử quyết định xoá tên người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội làm cho số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử không nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó, thì Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chọn người có tín nhiệm cao nhất và đạt trên năm mươi phần trăm số phiếu tín nhiệm trong số người còn lại ở danh sách đã hiệp thương lần thứ ba để đưa vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và báo cáo Hội đồng bầu cử xem xét quyết định; nếu trong danh sách hiệp thương lần thứ ba không có người đạt yêu cầu trên thì Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng bầu cử xem xét quyết định việc chuyển người ứng cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử có số dư nhiều nhất trong cùng tỉnh, thành phố đến đơn vị bầu cử không có số người ứng cử nhiều hơn số đại biểu Quốc hội được bầu. Trong trường hợp không chọn được người có tín nhiệm cao nhất trong danh sách đã Hiệp thương lần thứ ba và không thể chuyển người ứng cử từ đơn vị bầu cử khác đến thì Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định.

Câu 69: Trước khi lập danh sách những người ứng cử, cơ quan, tổ chức, đơn vị nào có trách nhiệm xác minh, trả lời các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người ứng cử?

Trả lời: Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác minh, trả lời các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người ứng cử được phân loại thành ba nhóm theo sự việc và theo đối tượng. Cụ thể như sau:

1. Đối với vụ việc ở nơi công tác:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời.

2. Đối với vụ việc ở khu dân cư:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Đối với người tự ứng cử:

Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày bầu cử, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người ứng cử phải được tiến hành xong.

Câu 70: Sau khi công bố danh sách những người ứng cử, các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được giải quyết như thế nào?

Trả lời: Từ khi danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được công bố, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo về người ứng cử; khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử với Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử. Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng bầu cử phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo thẩm quyền.

Trong trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì có quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với Hội đồng bầu cử. Quyết định của Hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng.

Câu 71: Thời hạn tạm ngưng việc xem xét khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đối với người ứng cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Trong thời hạn mười ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử ngưng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đã được tiếp nhận trước thời điểm này vẫn tiếp tục được xem xét, giải quyết. Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đủ tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội thì Hội đồng bầu cử quyết định xoá tên người đó trong danh sách những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Không xem xét, giải quyết đối với đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo, đơn tố cáo mạo tên người tố cáo hoặc không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký, đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới.

Câu 72: Người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?

Trả lời: Người ứng cử đại biểu Quốc hội không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử; nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử thì người ứng cử phải rút ra khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó kể từ ngày được ghi tên vào danh sách chính thức những người ứng cử.

Câu 73: Vận động bầu cử là gì? Phải bảo đảm những yêu cầu gì?

Trả lời: Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội.

Việc tổ chức vận động bầu cử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Công khai, dân chủ, bình đẳng và xây dựng trong vận động bầu cử, tạo không khí trao đổi thẳng thắn, cởi mở giữa người ứng cử và cử tri;
- Không được lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, uy tín và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;
- Không biến vận động bầu cử thành nơi để khiếu nại, tố cáo hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Không được lạm dụng uy tín, chức vụ, quyền hạn trong việc quản lý phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử;
- Không được lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình;
- Không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân để lôi kéo, mua chuộc cử tri;
- Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình vận động bầu cử.

Câu 74: Hình thức và nội dung vận động bầu cử của người ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành thông qua việc gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương nơi mình ứng cử tổ chức; trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng; gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác.

Nội dung vận động bầu cử của người ứng cử bao gồm:

- Người ứng cử trình bày dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội;
- Người ứng cử trình bày ý kiến của mình về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội;
- Người ứng cử và cử tri trao đổi về những vấn đề cùng quan tâm;
- Người ứng cử trả lời các câu hỏi của cử tri.

Câu 75: Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?

Trả lời: Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu

cử tổ chức, thành phần gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương. Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

Tại hội nghị tiếp xúc cử tri, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp giới thiệu những nội dung cơ bản về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để người ứng cử đại biểu Quốc hội xây dựng dự kiến chương trình hành động của mình. Người được trưng ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương nào cần kết hợp nghiên cứu tình hình địa phương đó và tình hình chung của cả nước để xây dựng dự kiến chương trình hành động của mình;

Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm:

- Tuyên bố lý do;
- Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử;
- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về dự kiến việc thực hiện trách nhiệm của người đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội;
- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;
- Người chủ trì Hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc Hội nghị.

Câu 76: Việc vận động bầu cử trên các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?

Trả lời: Việc vận động bầu cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội trên các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như sau:

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội tiếp xúc, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử để trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội;

- Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử;

- Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông cùng cấp tổ chức việc đăng tải nội dung phỏng vấn người ứng cử đại biểu Quốc hội trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, bảo đảm bình đẳng, đúng pháp luật, công bằng giữa những người ứng cử, tuân thủ các quy định về vận động bầu cử.

Câu 77: Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm gì đối với việc vận động bầu cử?

Trả lời: Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng đối với việc vận động bầu cử như sau:

- Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước, đưa tin về hoạt động của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong quá trình tổ chức bầu cử;

- Các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương có trách nhiệm đưa tin về Hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

Mục 5

HIỆP THƯƠNG, LỰA CHỌN NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Câu 78: Hội nghị hiệp thương là gì ? Ai triệu tập và chủ trì?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương là hội nghị giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên được tiến hành ở trung ương và địa phương để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội, cũng như việc lập danh sách sơ bộ và danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Hội nghị hiệp thương ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì.

Hội nghị hiệp thương ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triệu tập và chủ trì.

Để đảm bảo dân chủ và lựa chọn được những người tiêu biểu ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội nghị hiệp thương được tiến hành ba lần: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; Hội nghị hiệp thương lần thứ hai; Hội nghị hiệp thương lần thứ ba.

Câu 79: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được tổ chức chậm nhất là tám mươi lăm ngày trước ngày bầu cử.

Thành phần Hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời dự Hội nghị này.

Những nội dung chủ yếu của Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương gồm:

- Nghe giới thiệu về một số nội dung chủ yếu và những điểm mới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Nghe giới thiệu dự kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân ở cấp tổ chức hội nghị hiệp thương, người tự ứng cử thuộc cơ cấu và số lượng đại biểu Quốc hội nói trên;

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trình bày dự kiến số lượng người của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu. Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn

số đại biểu được bầu ít nhất là hai người. Trong trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng thì do Hội đồng bầu cử quyết định;

- Thảo luận để thoả thuận về số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp hội nghị không thoả thuận được vấn đề nào đó thì biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết. Trường hợp hội nghị quyết định bằng cách bỏ phiếu kín thì cử ban kiểm phiếu từ ba đến năm người. Phiếu bầu phải có dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương.

- Hội nghị lập biên bản.

- Biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được gửi ngay đến Ủy ban thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử.

Câu 80: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức chậm nhất là tám mươi lăm ngày trước ngày bầu cử.

Thành phần Hội nghị gồm Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên, đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Đại diện Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được mời dự Hội nghị này.

Nội dung Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tương tự như nội dung Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương (*xin xem Câu 79*)

Biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được gửi ngay đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 81: Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được bầu làm đại biểu Quốc hội như thế nào?

Trả lời: Sau khi có kết quả hiệp thương lần thứ nhất thoả thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được bầu làm đại biểu Quốc hội do Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến, chậm nhất là tám mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được bầu làm đại biểu Quốc hội. Mục đích của việc điều chỉnh là nhằm bảo đảm cơ cấu, thành phần chung của đại biểu Quốc hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Lần điều chỉnh này là cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ số lượng đại biểu tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 82: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội như thế nào?

Trả lời: Sau hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương họp với đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội để hướng dẫn nội dung, thủ tục, trình tự giới thiệu những người ứng cử và thủ tục làm hồ sơ ứng cử. Nội dung như sau:

Bước 1: Dự kiến người ra ứng cử.

** Thành phần:*

- Tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội họp Ban lãnh đạo để dự kiến người của tổ chức mình ứng cử;
- Ở cơ quan nhà nước thì ban lãnh đạo cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan dự kiến người của cơ quan mình ứng cử;
- Ở đơn vị vũ trang nhân dân thì lãnh đạo, chỉ huy đơn vị dự kiến người của đơn vị mình ứng cử.

** Thủ tục, trình tự:*

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị mình giới thiệu mục đích, yêu cầu cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần và số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu những người ứng cử;
- Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ra ứng cử đại biểu Quốc hội để lấy ý kiến nhận xét của Hội nghị cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi công tác.

Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc được tiến hành theo quy định tại Điều 2, Điều 5 Nghị quyết liên tịch số 02/2011/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 08 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú về những người ứng cử đại biểu Quốc hội và những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội nghị lập biên bản.

Bước 3: Giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội

** Thành phần hội nghị:*

- Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của Hội nghị cử tri nơi công tác của người được dự kiến giới thiệu ứng cử, Ban lãnh đạo tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tổ chức hội nghị:

+ Đoàn Chủ tịch mở rộng tới người đứng đầu các tổ chức thành viên. Tổ chức nào không có tổ chức thành viên thì họp Đoàn Chủ tịch mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

+ Ban Thường vụ mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

+ Ban Thường trực mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc của người được dự kiến giới thiệu ứng cử, Thủ trưởng cơ quan nhà nước tổ chức hội nghị gồm ban lãnh đạo cơ quan, Ban chấp hành Công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

- Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc của người được dự kiến giới thiệu ra ứng cử, Thủ trưởng đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và người chỉ huy cấp dưới trực tiếp.

** Thủ tục, trình tự:*

- Hội nghị nghe đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị minh báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với từng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được dự kiến giới thiệu ứng cử;

- Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng cách biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Trường hợp hội nghị quyết định bỏ phiếu kín thì cử Ban kiểm phiếu từ 3 đến 5 người. Phiếu phải có dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Hội nghị lập biên bản và danh sách những người được giới thiệu ứng cử;

Sau hội nghị này, cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn những người được lựa chọn giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội làm thủ tục hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 28 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội.

Câu 83: Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử.

Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì Hội nghị. Thành phần triệu tập và mời dự như thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ nhất.

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương thỏa thuận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú. Hội nghị gồm những nội dung sau:

- Căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội; việc điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị; căn cứ vào sự thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất và biên bản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo tình hình giới thiệu người ra ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để Hội nghị thỏa thuận về việc lập danh sách sơ bộ những người ứng cử;

- Bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người trong danh sách sơ bộ những người ứng cử;

- Hội nghị lập biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử.

Ngay sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đến Ủy ban thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử.

Câu 84: Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử.

Thành phần Hội nghị như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*xin xem Câu 80*).

Nội dung Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tương tự như nội dung hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương (*xin xem Câu 83*).

Hội nghị hiệp thương cấp tỉnh còn có trách nhiệm xem xét về người tự ứng cử do Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chuyên đến để thỏa thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử.

Biên bản Hội nghị hiệp thương được gửi ngay đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử và Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 85: Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người ứng cử được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Việc lấy ý kiến của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với những người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức ở nơi những người ứng cử công tác hoặc làm việc. Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên. Việc tổ chức lấy ý kiến của cử tri được thực hiện như sau:

1. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác chuyên trách tại các cơ quan Đảng các cấp thì tổ chức lấy ý kiến hội nghị cử tri của văn phòng ở tổ chức đó. Đại diện ban lãnh đạo của cơ quan Đảng và đại diện Ban chấp hành công đoàn văn phòng triệu tập và chủ trì hội nghị.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác tại các Đảng ủy xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thì tổ chức lấy ý kiến của Ban chấp hành Đảng bộ. Đại diện Ban thường vụ Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các cơ quan chuyên môn của tổ chức Đảng (các ban, học viện, trường Đảng, viện nghiên cứu...) thì lấy ý kiến hội nghị cử tri cơ quan của tổ chức đó. Đại diện ban lãnh đạo của các tổ chức trên và đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

2. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của văn phòng các cơ quan đó. Đại diện ban lãnh đạo và đại diện Ban chấp hành công đoàn văn phòng triệu tập và chủ trì hội nghị.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của cơ quan đó. Đại diện ban lãnh đạo của cơ quan và đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

3. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác tại cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương thì lấy ý kiến hội nghị cử tri cơ quan của tổ chức

đó. Đại diện ban lãnh đạo của tổ chức và đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác tại cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội ở địa phương thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của cơ quan và Ban thường vụ hoặc Ban chấp hành của tổ chức đó. Đại diện ban lãnh đạo của tổ chức và đại diện Ban chấp hành công đoàn hoặc tổ công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

4. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các tổ chức xã hội ở trung ương thì lấy ý kiến của hội nghị cử tri của cơ quan và Ban thường vụ hoặc Ban chấp hành của tổ chức đó. Đại diện ban lãnh đạo của tổ chức và đại diện Ban chấp hành công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở tổ chức xã hội ở địa phương thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của cơ quan và Ban Thường vụ hoặc Ban chấp hành của tổ chức đó. Đại diện ban lãnh đạo của tổ chức và đại diện Ban chấp hành công đoàn hoặc tổ công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

5. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các đơn vị sự nghiệp thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của đơn vị đó. Đại diện ban lãnh đạo đơn vị và đại diện Ban chấp hành công đoàn hoặc tổ công đoàn của đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

6. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các tổ chức kinh tế thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của tổ chức đó. Đại diện lãnh đạo và đại diện Ban chấp hành công đoàn hoặc tổ công đoàn của tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trong trường hợp nơi công tác hoặc nơi làm việc của những người ứng cử đại biểu Quốc hội chưa có tổ chức Công đoàn thì việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri do đại diện lãnh đạo của tổ chức đó triệu tập và chủ trì.

7. Những người ứng cử đại biểu Quốc hội công tác ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì lấy ý kiến hội nghị cử tri của cơ quan hoặc hội nghị quân nhân của đơn vị đó. Đại diện lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

Số lượng cử tri tham dự hội nghị lấy ý kiến về những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở những nơi có dưới một trăm cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể, nhưng phải bảo đảm ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri tham dự. Nơi nào có từ một trăm cử tri trở lên thì không nhất thiết tổ chức hội nghị toàn thể, nhưng phải có ít nhất bảy mươi cử tri tham dự.

Ở những cơ quan, tổ chức, đơn vị có tổ chức công đoàn thì Ban chấp hành công đoàn phân bổ số lượng người, tổ công đoàn cử đại diện dự họp; ở những cơ quan, tổ chức, đơn vị không có công đoàn thì các bộ phận chuyên môn cử người đại diện đến dự.

Những người ứng cử đại biểu Quốc hội được mời dự hội nghị cử tri cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác hoặc nơi làm việc.

Câu 86: Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức ở nơi người ứng cử cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố (không phân biệt có hộ khẩu thường trú hay tạm trú dài hạn) do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp được mời dự hội nghị.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có những người ứng cử được mời dự hội nghị này.

Số lượng cử tri tham dự hội nghị lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội nơi có dưới năm mươi cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể, nhưng phải bảo đảm trên 50% số cử tri tham dự; nơi nào có số cử tri từ năm mươi cử tri trở lên thì không nhất thiết tổ chức hội nghị toàn thể, nhưng phải bảo đảm ít nhất là bốn mươi cử tri tham dự. Thành phần dự hội nghị do Trường ban công tác Mặt trận phối hợp với Trường thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố mời.

Trường hợp người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có lý do chính đáng mà không đến dự hội nghị được thì ủy quyền cho người đại diện của mình đến dự. Người được ủy quyền phải là người từ 21 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Khi đến dự hội nghị, người được ủy quyền phải báo cáo với hội nghị về lý do được ủy quyền, giải trình những vấn đề có liên quan đến người tự ứng cử mà hội nghị nêu lên; đồng thời không được lợi dụng diễn đàn hội nghị để tuyên truyền những nội dung trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc tuyên truyền vận động cho lợi ích cá nhân của người ủy quyền và phải tuân theo sự điều hành của người chủ trì hội nghị.

Câu 87: Nội dung và chương trình của Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú là gì?

Trả lời: Tại hội nghị cử tri nơi công tác và nơi cư trú, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội để có ý kiến bày tỏ tín nhiệm đối với những người ứng cử. Việc biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

Trong trường hợp hội nghị quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, thì hội nghị cử ban kiểm phiếu từ ba đến năm người. Phiếu tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc phải có dấu của Ban chấp hành công đoàn hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú phải có dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên người ứng cử; nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên những người ứng cử xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên những người ứng cử mà mình không tín nhiệm.

Hội nghị cử tri phải có biên bản ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

Biên bản hội nghị lấy ý kiến của cử tri về những người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngay sau khi kết thúc hội nghị. Biên bản hội nghị lấy ý kiến cử tri về người ứng cử đại biểu Quốc hội của địa phương được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị.

Chương trình hội nghị lấy ý kiến của cử tri đối với những người ứng cử đại biểu Quốc hội gồm có:

- Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do;
- Giới thiệu thư ký hội nghị và người làm thư ký phải được đa số cử tri dự hội nghị tán thành;
- Báo cáo số cử tri được mời, số người có mặt;
- Giới thiệu khách được mời dự hội nghị;

- Giới thiệu danh sách những người ứng cử;
- Thư ký đọc tiểu sử tóm tắt của từng người được giới thiệu ứng cử;
- Đọc Điều 3 (quy định về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội) và Điều 29 (quy định về những người không được ứng cử đại biểu Quốc hội) của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội;
- Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử;
- Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử phát biểu ý kiến;
- Hội nghị biểu quyết;
- Thông qua biên bản và kết thúc hội nghị.

Câu 88: Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương như thế nào?

Trả lời: Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương.

Việc điều chỉnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội được tiến hành như sau:

Sau khi nhận được biên bản của Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương và địa phương về danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến, trên cơ sở trao đổi ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là năm mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được bầu làm đại biểu Quốc hội.

Câu 89: Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức chậm nhất là ba mươi lăm ngày trước ngày bầu cử.

Thành phần tham gia Hội nghị hiệp thương lần thứ ba như thành phần Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, lần thứ hai.

Trên cơ sở tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai và kết quả lấy ý kiến cử tri, Hội nghị hiệp thương lần thứ ba lựa chọn, lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trình tự và nội dung Hội nghị này như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo tình hình và kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử, kết hợp nêu tình hình lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc, trong đó cần nêu trường hợp những người ứng cử không được sự tín nhiệm của cử tri và những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu;

- Báo cáo dự kiến danh sách những người được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để hội nghị thảo luận, lựa chọn và thỏa thuận lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị lập biên bản và danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Chậm nhất là ngày 22 tháng 4 năm 2011, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi đến Hội đồng bầu cử biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách chính thức những người thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 90: Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời: Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh tổ chức chậm nhất là ba mươi lăm ngày trước ngày bầu cử để lựa chọn và lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Thành phần tham gia Hội nghị hiệp thương lần thứ ba tương tự như ở Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trình tự và nội dung Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tương tự như Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương (*xin xem Câu 89*).

Chậm nhất là ngày 22 tháng 4 năm 2011, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách chính thức những người được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Mục 6

BẦU CỬ VÀ BỎ PHIẾU

Câu 91: Ngày bầu cử được quy định như thế nào? Trong trường hợp nào thì hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định? Ai có quyền quyết định?

Trả lời: Việc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được tiến hành trong cùng một ngày trên cả nước.

Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật, do Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và công bố chậm nhất là một trăm lẻ năm ngày trước ngày bầu cử để bảo đảm mọi công dân có điều kiện tham gia thực hiện một cách đầy đủ quyền bầu cử của mình.

Trong trường hợp đặc biệt do thiên tai, dịch họa hoặc ở hải đảo, vùng núi, vùng cao, vùng xa, vùng sâu, vùng đi lại khó khăn... cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định ở khu vực bỏ phiếu nào, thì Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu đó phải kịp thời báo cáo Ban bầu cử đề nghị Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định.

Câu 92: Việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không? Ai có quyền quyết định?

Trả lời: Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối cùng ngày. Đây là khoảng thời gian thuận lợi và phù hợp nhất đối với mọi người trong ngày. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế ở địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu bỏ phiếu sớm hơn, nhưng không được trước 5 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không quá 10 giờ đêm.

Trong ngày bầu cử, các thành viên của Tổ bầu cử phải đến sớm hơn 7 giờ sáng hoặc sớm hơn giờ khai mạc mà Tổ đã quy định để kiểm tra nơi bỏ phiếu và tiến hành khai mạc cuộc bỏ phiếu.

Khi đã hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri ở phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì chỉ sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Câu 93: Phòng bỏ phiếu được trang trí như thế nào?

Trả lời: Mỗi khu vực bỏ phiếu phải có một hoặc nhiều địa điểm bỏ phiếu.

Địa điểm bỏ phiếu được bố trí ở những nơi công cộng, như trụ sở Ủy ban nhân dân, trường học, câu lạc bộ, những nơi trung tâm... thuận tiện cho cử tri cũng như thuận lợi cho việc bố trí các trang thiết bị phục vụ cho cuộc bầu cử. Các địa điểm bỏ phiếu cần được trang trí trang nghiêm, thống nhất, bảo đảm tiết kiệm. Ngoài việc trang trí cờ, biểu ngữ... mỗi nơi bỏ phiếu cần có những trang bị thiết yếu như hòm phiếu, bàn ghế, bút, mực ...có nội quy phòng bỏ phiếu, danh sách cử tri, các phòng kín đủ ánh sáng để cử tri thực hiện việc bỏ phiếu. Tổ bầu cử có nhiệm vụ bố trí phòng bỏ phiếu.

Câu 94: Nội quy phòng bỏ phiếu được quy định như thế nào?

Trả lời: Để cho cuộc bầu cử có kết quả, đồng thời bảo đảm tính dân chủ, hợp pháp của cuộc bầu cử, nhất là trong ngày bỏ phiếu, các tổ chức phụ trách bầu cử và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật bầu cử và những văn bản pháp luật về bầu cử. Ngoài ra, mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu.

Nội quy phòng bỏ phiếu là tập hợp các quy định do Tổ bầu cử căn cứ vào điều kiện cụ thể nơi bỏ phiếu đề ra, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật và bảo đảm trật tự, an toàn. Nội quy phòng bỏ phiếu căn cứ vào:

- Các quy định của Luật bầu cử;
- Các quy định về bảo vệ an toàn, trị an;
- Các quy định về phòng cháy, chữa cháy;
- Các quy định hướng dẫn cách bỏ phiếu.

Câu 95: Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử có phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri không?

Trả lời: Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri để bảo đảm tính công khai, khách quan và thực hiện nguyên tắc nhân dân kiểm tra. Đây cũng là hình thức để cử tri trực tiếp giám sát cuộc bầu cử.

Đúng 7 giờ sáng hoặc đúng giờ quy định, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời đại diện những cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu. Sau khi kiểm tra hòm phiếu (không có gì ở trong), hòm phiếu được niêm phong bằng dấu của Tổ bầu cử, thì cuộc bỏ phiếu mới được bắt đầu. Trường hợp hòm phiếu có khoá thì Tổ trưởng khoá lại và phải niêm phong.

Câu 96: Cử tri có được bầu cử thay không?

Trả lời: Việc bầu cử được tiến hành theo nguyên tắc trực tiếp, theo đó cử tri phải tự mình đi bầu, trực tiếp viết phiếu bầu và bỏ phiếu vào hòm phiếu. Cử tri không được bầu bằng cách gửi thư hoặc nhờ người khác bầu thay.

Trong trường hợp do ốm đau, già yếu, tàn tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri nhận phiếu và bầu; nếu không tự mình viết được phiếu bầu thì được phép nhờ người khác viết hộ, nhưng cử tri phải tự bỏ phiếu vào hòm phiếu. Trong trường hợp đặc biệt vì lý do sức khỏe, tàn tật mà cử tri không thể tự bỏ phiếu thì được phép nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 97: Người không tự mình viết được phiếu bầu có được nhờ người khác viết hộ hay không?

Trả lời: Theo nguyên tắc bầu cử trực tiếp thì cử tri phải tự mình viết phiếu và tự bỏ lá phiếu của mình vào hòm phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm làm đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội có quy định tạo điều kiện cho những cử tri do ốm đau, tàn tật, già yếu mà không thể tự viết phiếu bầu thì có thể nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người viết phiếu hộ phải bảo đảm tuyệt đối giữ bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì tàn tật không thể tự bỏ phiếu thì được phép nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 98: Việc đóng dấu “đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Tại khu vực bỏ phiếu, cử tri xuất trình thẻ cử tri và được Tổ bầu cử phát phiếu bầu cử theo mẫu quy định, có đóng dấu của Tổ bầu cử. Khi cử tri viết phiếu bầu cử, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

Khi cử tri đã bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri. Việc đóng dấu “đã bỏ phiếu” là sự xác nhận cử tri đó đã hoàn thành quyền và nghĩa vụ bầu cử của mình.

Câu 99: Hòm phiếu phụ là gì? Trong trường hợp nào thì dùng hòm phiếu phụ?

Trả lời: Tại các khu vực bỏ phiếu, tùy tình hình cụ thể của từng nơi để bố trí ít nhất một hòm phiếu, nhiều nơi bố trí hai đến ba hòm phiếu để cử tri đến bỏ phiếu. Những địa điểm đặt hòm phiếu như vậy được hiểu là hòm phiếu chính và yêu cầu tất cả các cử tri có tên ghi trong danh sách cử tri đến bỏ phiếu trực tiếp. Ngoài ra, tại mỗi khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử thường chuẩn bị hòm phiếu phụ. Hình dáng, kích thước của hòm phiếu phụ nhỏ hơn hòm phiếu chính. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, tàn tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến tận chỗ ở của cử tri để cử tri nhận phiếu và trực tiếp bỏ phiếu. Trước khi tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu phụ cũng phải tuân thủ các bước: kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của hai cử tri, khoá lại và niêm phong rồi mới tiến hành bỏ phiếu.

Câu 100: Những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu được xử lý như thế nào?

Trả lời: Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục trong ngày bầu cử. Trường hợp có những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cho Ban bầu cử biết, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp vì lý do đặc biệt phải hoãn ngày bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử biết để đề nghị Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định.

Câu 101: Việc kiểm phiếu được tiến hành như thế nào? Những ai có quyền kiểm phiếu? Những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?

Trả lời:

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong tất cả số phiếu bầu không sử dụng đến. Người được chứng kiến việc kiểm phiếu gồm: hai cử tri biết đọc, biết viết không phải là người ứng cử, người ứng cử, đại diện cơ quan, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được uỷ nhiệm, các phóng viên báo chí. Sau đó, Tổ bầu cử tiến hành việc kiểm phiếu với các nhiệm vụ sau đây:

- Xác định tổng số phiếu bầu đã phát ra;
- Xác định tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu; nghiêm cấm việc bỏ phiếu sau khi đã mở hòm phiếu;
- Kiểm tra hòm phiếu và tiến hành mở hòm phiếu (cả hòm phiếu phụ nếu có);
- Xác định tổng số phiếu được lấy ra từ hòm phiếu;
- So sánh tổng số phiếu được lấy ra từ hòm phiếu với số phiếu đã phát ra và với tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu;
- Xác định số phiếu hợp lệ;
- Xác định số phiếu không hợp lệ;
- Đếm số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Giải quyết những khiếu nại, tố cáo về bầu cử hoặc chuyển đến Ban bầu cử giải quyết;
- Làm biên bản kết quả kiểm phiếu;
- Biên bản được gửi đến Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn;
- Giao biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Câu 102: Những phiếu bầu cử nào là phiếu hợp lệ?

Trả lời: Những phiếu bầu cử sau đây là phiếu hợp lệ:

- Phiếu bầu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát, có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu bầu đủ hoặc ít hơn số đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu;
- Phiếu bầu gạch tên ứng cử viên không được tín nhiệm bằng cách gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang, nhưng phải gạch hết họ và tên.

Câu 103: Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?

Trả lời: Những phiếu bầu cử sau đây là phiếu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát;
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

- Phiếu đề số người được bầu quá số đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu (ví dụ được bầu 2 đại biểu mà đề tên 3 người);

- Phiếu gạch, xoá hết họ, tên tất cả những người ứng cử;

- Phiếu ghi tên người ngoài danh sách những người ứng cử; phiếu có viết thêm; phiếu gạch vào khoảng cách giữa họ và tên hai ứng cử viên; phiếu khoanh tròn họ và tên ứng cử viên.

Câu 104: Các khiếu nại tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?

Trả lời: Những khiếu nại tại chỗ về việc kiểm phiếu phải được chuyển kịp thời cho Tổ bầu cử. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công một thành viên của Tổ bầu cử tiếp nhận, ghi vào sổ trực của Tổ, sau đó chuyển cho Tổ trưởng giải quyết. Nội dung của khiếu nại và cách giải quyết phải được ghi vào biên bản kiểm phiếu.

Trường hợp những khiếu nại mà Tổ bầu cử không giải quyết được hoặc việc giải quyết vượt quá thẩm quyền thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ vào biên bản và kịp thời chuyển Ban bầu cử giải quyết.

Câu 105: Biên bản kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội của Tổ bầu cử gồm những nội dung gì?

Trả lời: Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội của Tổ bầu cử gồm những nội dung sau đây:

- Số thứ tự khu vực bỏ phiếu, gồm những đơn vị hành chính nào;

- Thành phần của Tổ bầu cử;

- Họ và tên người chứng kiến việc kiểm phiếu;

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu;

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu;

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri;

- Số cử tri là khách vắng lai đã tham gia bỏ phiếu;

- Số phiếu phát ra;

- Số phiếu thu vào;

- Số phiếu hợp lệ; tỷ lệ so với tổng số phiếu đã bầu;

- Số phiếu không hợp lệ; tỷ lệ so với tổng số phiếu đã bầu;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;

- Những phiếu nghi là không hợp lệ đã được đưa ra Tổ để giải quyết;

- Tóm tắt những sự việc đã xảy ra;

- Những khiếu nại đã nhận được trong việc bầu cử và cách giải quyết của Tổ bầu cử; những khiếu nại chưa được giải quyết chuyển đến Ban bầu cử.

Biên bản được lập thành ba bản theo mẫu số 5/BCĐBQH do Hội đồng bầu cử quy định, có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký và hai cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên bản được

gửi đến Ban bầu cử, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn chậm nhất là ba ngày sau ngày bầu cử.

Câu 106: Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử gồm những nội dung gì?

Trả lời: Sau khi nhận được biên bản kết quả kiểm phiếu của các Tổ bầu cử, Ban bầu cử kiểm tra các biên bản đó và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử của mình.

Biên bản xác định kết quả bầu cử của Ban bầu cử theo mẫu của Hội đồng bầu cử ban hành phải ghi rõ những nội dung sau đây:

- Số thứ tự đơn vị bầu cử, gồm các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nào;
- Thành phần của Ban bầu cử;
- Số đại biểu Quốc hội được ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Số người ứng cử đại biểu Quốc hội;
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử; trong đó tổng số cử tri nam; tổng số cử tri nữ; tỷ lệ nam (%) so với tổng số danh sách cử tri; tỷ lệ nữ (%) so với tổng số danh sách cử tri;
- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu; trong đó tổng số cử tri nam; tổng số cử tri nữ; tỷ lệ nam (%) so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ nữ (%) so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu;
- Tỷ lệ (%) cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri;
- Số phiếu hợp lệ; tỷ lệ so với tổng số phiếu đã bầu
- Số phiếu không hợp lệ; tỷ lệ so với tổng số phiếu đã bầu
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử và tỷ lệ (%) số phiếu bầu so với tổng số phiếu hợp lệ;
- Danh sách những người trúng cử; số đại biểu còn thiếu; đề nghị Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng bầu cử xem xét việc bầu cử thêm; tóm tắt những sự việc xảy ra;
- Những khiếu nại do các Tổ bầu cử đã giải quyết, những khiếu nại do Ban bầu cử giải quyết, những khiếu nại chuyển đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng bầu cử.

Biên bản được lập thành năm bản, theo mẫu số 6/BCĐBQH do Hội đồng bầu cử quy định, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và Thư ký. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là năm ngày sau ngày bầu cử.

Câu 107: Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Nguyên tắc xác định người trúng cử là người có đủ hai điều kiện như sau:

- Có số phiếu bầu đạt quá nửa tổng số phiếu hợp lệ;
- Được nhiều phiếu hơn.

Trong trường hợp nhiều người được số phiếu bằng nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 108: Bầu cử thêm là gì? Việc bầu cử thêm phải tuân theo những trình tự, thủ tục nào?

Trả lời: Bầu cử thêm là cuộc bầu cử do Hội đồng bầu cử quyết định cho đơn vị bầu cử mà ở lần bầu cử đầu tiên có số người trúng cử chưa đủ số lượng đại biểu được ấn định.

Khi lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó, Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định việc bầu cử thêm.

Cuộc bầu cử được tiến hành chậm nhất là hai mươi ngày sau cuộc bầu cử đầu tiên. Bầu cử thêm không phải thực hiện lại các bước hiệp thương giới thiệu, lựa chọn người ứng cử, mà cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người đã ứng cử lần đầu chưa trúng cử. Danh sách cử tri của cuộc bầu cử thêm vẫn căn cứ vào danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm người trúng cử phải là người được quá nửa số phiếu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn. Trường hợp bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số đại biểu theo quy định thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai.

Câu 109: Bầu cử lại là gì? Việc bầu cử lại phải tuân theo những trình tự, thủ tục nào?

Trả lời: Bầu cử lại là cuộc bầu cử do Hội đồng bầu cử quyết định cho một đơn vị bầu cử mà ở lần bầu cử đầu tiên có số cử tri đi bỏ phiếu chưa được quá nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri hoặc do ở đơn vị bầu cử đó có xảy ra vi phạm pháp luật nghiêm trọng đã bị Hội đồng bầu cử hủy kết quả bầu cử.

Khi lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó, Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định việc bầu cử lại. Cuộc bầu cử lại được tiến hành chậm nhất là mười lăm ngày sau cuộc bầu cử đầu tiên. Cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người đã ứng cử lần đầu. Danh sách cử tri vẫn căn cứ vào danh sách cử tri đã lập trong cuộc bầu cử đầu tiên. Trong trường hợp số cử tri đi bầu vẫn chưa được quá nửa số cử tri trong danh sách thì không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Câu 110: Trường hợp nào thì Hội đồng bầu cử ra quyết định hủy bỏ kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử?

Trả lời: Hội đồng bầu cử ra quyết định hủy bỏ kết quả bầu cử trong trường hợp đơn vị bầu cử có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử. Hội đồng bầu cử tự mình hoặc theo đề nghị của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ kết quả bầu cử và ấn định ngày bầu cử lại ở đơn vị bầu cử đó.

Câu 111: Biên bản xác định kết quả bầu cử ở địa phương của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung gì?

Trả lời: Sau khi nhận và kiểm tra Biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử và giải quyết các khiếu nại (nếu có), Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh lập biên bản xác định kết quả bầu cử chung ở địa phương (theo mẫu do Hội đồng bầu cử ban hành). Biên bản phải ghi rõ những nội dung sau đây:

- Thành phần của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Số lượng đơn vị bầu cử;

- Số người ứng cử;
- Số người được bầu;
- Tổng số cử tri của địa phương có tên trong danh sách;
- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu;
- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Danh sách những người trúng cử;
- Những khiếu nại do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đã giải quyết;
- Những khiếu nại do Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết;
- Những việc quan trọng đã xảy ra và cách giải quyết của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị chuyển lên Hội đồng bầu cử.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được lập riêng. Mỗi biên bản được lập thành năm bản theo mẫu quy định, có chữ ký của Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là bảy ngày sau ngày bầu cử.

Câu 112: Biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước của Hội đồng bầu cử gồm những nội dung gì? Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Sau khi nhận và kiểm tra tất cả các biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và giải quyết các khiếu nại, tố cáo (nếu có), Hội đồng bầu cử lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước. Biên bản phải ghi rõ những nội dung sau đây:

- Ngày bầu cử;
- Thành phần của Hội đồng bầu cử;
- Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu;
- Tổng số người ứng cử;
- Tổng số cử tri;
- Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu;
- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri;

- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Danh sách những người trúng cử;
- Những khiếu nại, tố cáo do Hội đồng bầu cử giải quyết;
- Những hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết chuyển đến Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa mới;
- Những việc quan trọng đã xảy ra và cách giải quyết.

Biên bản được lập thành năm bản, có chữ ký của Chủ tịch, Tổng thư ký Hội đồng bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một bản trình Quốc hội khóa mới và một bản lưu trữ.

Câu 113: Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời: Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử được gửi đến Hội đồng bầu cử chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày Hội đồng bầu cử công bố kết quả bầu cử. Hội đồng bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng. Đây là thủ tục đặc biệt để bảo đảm việc trình kết quả bầu cử tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa mới chậm nhất sáu mươi ngày sau ngày bầu cử. Sau khi trình kết quả bầu cử, các khiếu nại về kết quả bầu cử sẽ được các cơ quan chức năng tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Câu 114: Bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội là gì và phải tuân theo những thủ tục, trình tự nào?

Trả lời: Bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội là việc đơn vị bầu cử nào đó trong nhiệm kỳ Quốc hội khuyết đại biểu, không đủ số lượng ấn định ban đầu thì có thể được Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cho bầu cử bổ sung. Trường hợp thời gian còn lại của nhiệm kỳ Quốc hội dưới hai năm thì không tổ chức bầu cử bổ sung.

Trình tự, thủ tục tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội được quy định như sau:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc bầu cử bổ sung, thành lập Ủy ban bầu cử bổ sung, quyết định ngày bầu cử bổ sung và công bố chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử;
- Các tổ chức phụ trách bầu cử bổ sung: Ủy ban bầu cử bổ sung ở trung ương, Ban bầu cử bổ sung ở đơn vị bầu cử cần phải bầu bổ sung, Tổ bầu cử bổ sung. Việc thành lập các tổ chức này theo các quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban bầu cử bổ sung, Ban bầu cử bổ sung và Tổ bầu cử bổ sung được áp dụng theo quy định tương ứng về Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; thể thức bỏ phiếu, trình tự bầu cử, xác định kết quả bầu cử bổ sung được áp dụng các quy định như cuộc bầu cử chung.

Câu 115: Vi phạm pháp luật về bầu cử là gì?

Trả lời: Vi phạm pháp luật về bầu cử là những hành vi làm trái các quy định của pháp luật về bầu cử, bao gồm:

- Dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử đại biểu Quốc hội của công dân;

- Người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử;

- Cản trở hoặc trả thù người khiếu nại, tố cáo về bầu cử.

Các hành vi vi phạm được liệt kê trên đây, tùy theo mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bộ luật hình sự có quy định cụ thể về tội phạm và hình phạt đối với các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân.

Câu 116: Cơ quan nào có trách nhiệm xử lý các vi phạm pháp luật về bầu cử?

Trả lời: Thẩm quyền xử lý kỷ luật thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm.

Các cơ quan (như Ủy ban nhân dân các cấp, Công an...) có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về bầu cử theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật hình sự về bầu cử (cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án) là những cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về bầu cử được Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà các cơ quan có trách nhiệm nói trên căn cứ vào các quy định pháp luật liên quan để xử lý theo thẩm quyền.

PHẦN THỨ HAI

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG QUÁ TRÌNH BẦU CỬ

Câu 117: Sau khi đã hết thời hạn hiệp thương lần thứ hai thì có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã lập qua hiệp thương lần thứ hai để đưa vào hiệp thương lần thứ ba được không?

Trả lời: Chậm nhất là sáu mươi lăm ngày trước ngày bầu cử thì công dân ứng cử đại biểu Quốc hội (người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải nộp hồ sơ ứng cử.

Tuy nhiên, chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử phải tổ chức hiệp thương lần thứ hai. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, cơ cấu thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú; đối với người tự ứng cử thì còn được gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi người đó làm việc (nếu có). Do đó, khi thời hạn hiệp thương lần thứ hai đã hết thì không thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ đã lập qua hiệp thương lần thứ hai để đưa vào danh sách hiệp thương lần thứ ba.

Câu 118: Người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đã qua hiệp thương và được đưa vào danh sách sơ bộ những người ứng cử thì có được đưa vào danh sách chính thức những người ứng cử không?

Trả lời: Công dân ứng cử đại biểu Quốc hội là những người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử. Vì vậy, công dân xét thấy mình có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, có thể tự mình làm đơn, nộp hồ sơ ứng cử. Qua hiệp thương lần thứ hai nếu được vào danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội để gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và nơi làm việc (nếu có) thì sau đó đưa vào danh sách để hiệp thương lần thứ ba. Trường hợp người tự ứng cử có đủ tiêu chuẩn và điều kiện thì được đưa vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 119: Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ứng cử đại biểu Quốc hội không?

Trả lời: Theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, công dân chỉ được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không quá hai cấp; nếu đã ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

Câu 120: Sau Hội nghị hiệp thương lần thứ 3, vì lý do bất khả kháng, số người ứng cử ở đơn vị bầu cử ít hơn so với quy định của pháp luật thì giải quyết như thế nào?

Trả lời: Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ít nhất là hai người.

Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng, số người ứng cử ở đơn vị bầu cử ít hơn so với quy định của pháp luật thì Ban bầu cử báo cáo Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng bầu cử xem xét, quyết định.

Câu 121: Công dân Việt Nam cư trú và làm việc ở nước ngoài trở về Việt Nam trước ngày bầu cử đại biểu Quốc hội có được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội không?

Trả lời: Công dân Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống trên mọi miền đất nước và ở nước ngoài.

Công dân Việt Nam cư trú và làm việc ở nước ngoài trở về Việt Nam trước thời điểm bỏ phiếu hai mươi bốn giờ đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tạm trú xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam và đề nghị được ghi tên vào danh sách cử tri. Trường hợp xét thấy có đủ điều kiện bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri và phát thẻ cử tri cho họ để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Câu 122: Việc xác định một người có quốc tịch Việt Nam được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam, người được xác định có quốc tịch Việt Nam (là công dân Việt Nam) nếu có một trong những căn cứ sau đây:

1. Cha, mẹ là công dân Việt Nam, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài;
2. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài;
3. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, nếu cha mẹ có sự thỏa thuận bằng văn bản về việc chọn Quốc tịch Việt Nam vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con;

4. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài mà được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con;

5. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam;

6. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai;

7. Người được nhập quốc tịch Việt Nam;

8. Người được trở lại quốc tịch Việt Nam;

9. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi và trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai;

10. Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam;

11. Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì có quốc tịch Việt Nam, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận việc nuôi con nuôi;

12. Người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Khi có sự thay đổi về quốc tịch do nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con).

Người đã có quốc tịch Việt Nam mà bị mất quốc tịch Việt Nam, được Chủ tịch nước quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, huỷ bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, bị tước quốc tịch Việt Nam thì không còn là công dân Việt Nam.

Câu 123: Trường hợp người bị tâm thần nhưng không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Trả lời: Người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Những bệnh nhân tâm thần thường sống tự do trong nhân dân địa phương, vì mạng lưới y tế chuyên khoa chưa phát triển rộng khắp nên chưa khám và xác định được họ. Tuy nhiên, ở địa phương nếu không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế mà gia đình cam kết và chính quyền địa phương xác nhận họ là người bị tâm thần thì họ bị coi là mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 124: Người bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Trả lời: Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, người đang phải chấp hành hình phạt tù, người đang bị tạm giam thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Như vậy, người bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi bị mất quyền bầu cử), thì được ghi tên vào danh sách cử tri, được phát thẻ cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Câu 125: Trường hợp người vừa câm, vừa điếc lại không biết chữ thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Trả lời: Người vừa câm, vừa điếc không thuộc các trường hợp quy định không được ghi tên vào danh sách cử tri, do đó vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội.

Về việc viết và bỏ phiếu, nếu họ không tự viết được phiếu bầu thì áp dụng theo quy định: cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri; nếu cử tri vì tàn tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 126: Việc xác định người mất trí trong khi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân được tiến hành như thế nào?

Trả lời: Mất trí là tình trạng mất hết khả năng hoạt động trí óc, khả năng nhận thức, suy nghĩ, phán đoán... Mất trí là một nội dung của khái niệm mất năng lực hành vi dân sự. Việc xác định người bị mất năng lực hành vi dân sự được căn cứ vào quyết định của Toà án hoặc do bệnh viện tâm thần hoặc chuyên khoa tâm thần của bệnh viện đa khoa xác nhận. Người bị mất năng lực hành vi dân sự sẽ không được thực hiện quyền ứng cử và bầu cử.

Câu 127: Việc ký tên và đóng dấu thẻ cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời: Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập theo khu vực bỏ phiếu. Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo khu vực bỏ phiếu.

Việc lập danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân giao cho Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân lập và ký tên, đóng dấu vào thẻ cử tri của quân nhân. Vì vậy, thẻ cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị ký tên và đóng dấu.

Câu 128: Trường hợp thẻ cử tri do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trước đây ký tên, đóng dấu, nay người đó do sai phạm, khuyết điểm đã bị cách chức, đình chỉ hoặc thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thẻ cử tri đó còn giá trị không?

Trả lời: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ký tên, đóng dấu vào thẻ cử tri và các văn bản khác theo luật định. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã do phạm sai lầm, khuyết điểm bị cách chức, đình chỉ công tác, thôi giữ chức vụ thì các văn bản, bao gồm cả thẻ cử tri được vị Chủ tịch này ký khi còn đương chức (nếu các văn bản này không trái với các quy định của pháp luật) vẫn còn giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành.

Câu 129: Địa phương có thể thành lập thêm các tổ chức trung gian ở xã, phường, thị trấn và ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để giúp các Ban bầu cử tập hợp kết quả bầu cử được không?

Trả lời: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định có bốn tổ chức phụ trách bầu cử, gồm Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử, Tổ bầu cử. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức phụ trách bầu cử này đã được quy định cụ thể trong luật. Vì vậy, để đảm bảo thống nhất và phù hợp với các quy định của pháp luật, các địa phương không được phép thành

lập thêm các tổ chức trung gian để tập hợp kết quả bầu cử ở xã, phường, thị trấn và ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Câu 130: Sau khi kiểm phiếu xong, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu cử và các phương tiện khác được giao cho cơ quan nào?

Trả lời: Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải làm biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được lập thành 3 bản, có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký và hai cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên Bản kiểm phiếu được gửi đến Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn chậm nhất là ba ngày sau ngày bầu cử.

Tổ bầu cử giao biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Cụ thể là, sau khi Hội đồng bầu cử công bố kết quả bầu cử trong cả nước thì Tổ bầu cử có trách nhiệm giao toàn bộ phiếu bầu, con dấu của Tổ bầu cử, hòm phiếu và các phương tiện, tài liệu khác có liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để lưu trữ, bảo quản theo quy định của pháp luật.

Câu 131: Thẻ cử tri sau khi công dân đã bỏ phiếu xong thì xử lý như thế nào?

Trả lời: Thẻ cử tri được Tổ bầu cử cấp công dân có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Sau khi cử tri thực hiện xong việc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “*đã bỏ phiếu*” vào Thẻ cử tri và giao lại cho công dân giữ Thẻ cử tri đó.

Câu 132: Người ứng cử đại biểu Quốc hội kê khai tài sản như thế nào?

Trả lời: Người ứng cử đại biểu Quốc hội (bao gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại mục 4 chương II của Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ.

Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử là tài liệu trong Hồ sơ ứng cử.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng tài sản, thu nhập và những thay đổi so với lần kê khai gần nhất trước đó; giải trình trung thực, đầy đủ, kịp thời về những nội dung liên quan đến việc kê khai thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập. Người ứng cử đại biểu Quốc hội nếu là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì ngoài việc thực hiện việc kê khai trên còn phải thực hiện các nghĩa vụ về kê khai tài sản, thu nhập do tổ chức đó quy định.
